



Phụ lục 02:

(Kế hoạch số 86/KH-TrMN ngày 22/8/2025 của trường MN Kỳ Thượng về Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhà trường năm học 2025-2026)

I. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Phát triển thể chất	
<i>Phát triển vận động</i>	
MT 1: Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Trẻ trai: - Cân nặng: 12,7-21,2 kg. - Chiều cao: 94,9-111,7 cm. - Trẻ gái: - Cân nặng: 12,3- 21,5 kg. - Chiều cao: 94,9-111,7 cm.	- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng. - Tập các bài tập thể dục thường xuyên. Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ. - Khám sức khỏe định kì: 2 lần/ năm. - Cân đo: Cân: 3 tháng/ lần; Đo: 3 tháng/ lần. - Nhận biết béo phì và suy dinh dưỡng. Nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.
MT 2: Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp; Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái sang phải. + Nghiêng người sang trái sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang

	ngang, ngồi xổm đứng lên, bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
MT 3: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).	- Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi theo đường dích dắc.
MT4: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót. - Đi kiễng gót liên tục 3m.
MT5: Trẻ kiểm soát được vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	- Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
MT6: Trẻ kiểm soát được vận động chạy liên tục trong đường dích dắc (3- 4) điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	- Chạy chậm trong đường zích zắc qua 3- 4 điểm. - Chạy liên tục trong đường zích zắc (3- 4 điểm dích dắc).
MT7: Trẻ biết bước lên, xuống bậc cao 30cm.	- Bước lên, xuống bậc cao 30 cm.
MT8: Trẻ biết tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m).	- Tung bắt bóng với cô bằng hai tay (khoảng cách 2,5m). - Tung bóng cho cô. - Tung bóng lên cao bằng hai tay.
MT9: Trẻ biết tự đập- bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Tập đập- bắt bóng với cô (đường kính bóng 18cm).
MT10: Trẻ thực hiện được vận động chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.	- Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. - Chuyền bóng bằng 2 tay qua đầu.

MT11: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong bài tập chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.	- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng.
MT12: Trẻ biết ném trúng đích ngang (xa 1,5m).	- Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng hai tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m).
MT13: Trẻ biết bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	- Bò trong đường hẹp(3m x 0,4m). - Bò chui qua cổng. - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3m - Bò theo hướng thẳng, zích zắc. - Bò qua vật cản.
MT14: Trẻ biết trườn về phía trước.	- Trườn theo hướng thẳng. - Trườn về phía trước.
MT15: Trẻ biết bật xa 20-25 cm.	- Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20-25 cm.
MT16: Trẻ chạy được 15m trong khoảng 10 giây.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây.
MT17: Trẻ biết thực hiện được các vận động: xoay tròn cổ tay, gấp đan ngón tay vào nhau.	- Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.
MT18: Trẻ phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ được hình tròn theo mẫu, cắt thẳng được một đoạn 10cm, xếp chồng từ 8-10 khối không đồ, tự cài, cởi cúc.	- Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy.

	- Sử dụng kéo, bút. - Tô, vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.
<i>Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>	
MT 19: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày.	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc (thịt, cá, trứng, sữa, rau...) - Một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, thịt dim đậu, canh rau, thịt kho, cá kho.
MT 20: Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT21: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần, áo...	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Tháo tất, cởi quần, áo... - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
MT 22: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc, đúng cách.	- Sử dụng cầm thìa bằng tay phải, cầm bát bằng tay trái, cầm cốc ở quai đúng ký hiệu.
MT 23: Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi.	- Hành vi văn minh trong ăn, uống, sinh hoạt hằng ngày (Uống nước đã đun sôi, rót nước vừa lượng nước để uống, tự uống nước khi khát). - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi bỏ vào đĩa.

MT 24: Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
MT 25: Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở. Trẻ biết tránh những nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng...) khi được nhắc nhở. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không cưỡi đùa trong khi ăn uống, hoặc ăn các loại có hạt, không tự lấy thuốc, không leo trèo bàn ghế, lan can, không nghịch vật sắc nhọn, không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
2. Phát triển nhận thức	
<i>Khám phá khoa học</i>	
MT 26: Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Sự vật: Người, đồ vật, con vật, cây cối. - Hiện tượng: + Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày.

	+ Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT 27: Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
MT 28: Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết chìm hay nổi.	- Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. - Chong chóng gió; Thổi bóng xà phòng.
MT 29: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Làm một số thí nghiệm đơn giản. - Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện.
MT 30: Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.
MT 31: Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.

	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.
MT 32: Trẻ có khả năng thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	- Chơi đóng vai. - Hát các bài hát về cây, con vật. - Vẽ, nặn, xé dán con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.
<i>Làm quen với khái niệm sơ đẳng về toán</i>	
MT 33: Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm.	- Hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. - Đếm vẹt, đếm ngón tay biểu thị số lượng đếm.
MT 34: Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
MT 35: Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Nhận biết 1 và nhiều.
MT 36: Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
MT 37: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT 38: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ.

MT 39: Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn, cao hơn/ thấp hơn, bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.
MT 40: Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.
MT 41: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên- phía dưới; phía trước- phía sau, tay phải- tay trái của bản thân.
<i>Khám phá xã hội</i>	
MT 42: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
MT 43: Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình.
MT 44: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình.
MT 45: Trẻ nói được tên, trường/lớp, cô giáo, các bạn, đồ dùng, đồ chơi trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 46: Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.

MT 47: Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh...	- Ngày khai giảng, tết trung thu, tết nguyên đán, tết thiếu nhi 1- 6...
MT48: Trẻ quan tâm đến văn hóa đặc sắc của người dân tộc mình (Dao Thanh Phán).	- Tham quan lễ Cấp sắc của người Dao (nếu có) - Trang phục của người Dao Thanh Phán.
3. Phát triển ngôn ngữ	
<i>Nghe</i>	
MT 49: Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng.
MT50: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
MT 51: Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: “ai?”; “Cái gì?”; “ở đâu?”; “Khi nào?”.
MT52: Trẻ nghe hiểu được nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Nghe nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
MT 53: Trẻ thích nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
<i>Nói</i>	
MT 54: Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
MT 55: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Quan sát và mô tả lại sự vật, hoạt động, đặc điểm bằng các từ thông dụng.
MT 56: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.

	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.
MT 57: Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản diễn ra của bản thân như: đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc. - Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ.
MT 58: Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè theo chủ đề.
MT 59: Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ.
MT 60: Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên
MT 61: Trẻ biết sử dụng các từ: “vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa”... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT62: Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với người nghe.
MT 63: Trẻ có thể chăm chú lắng nghe người khác nói.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
<i>Làm quen với đọc, viết</i>	
MT 64: Trẻ nhận ra được một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Ví dụ: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ).
MT 65: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

MT 66: Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Xem tranh gọi tên các nhân vật trong tranh, truyện.
MT 67: Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Vẽ, “viết” nguệch ngoạc trên cát, trên giấy.
MT 68: Trẻ biết cầm sách đúng chiều để xem. Biết giữ gìn sách.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.
MT 69: Trẻ có khả năng làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
<i>Phát triển tình cảm</i>	
MT 70: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi giới tính của bản thân
MT 71: Trẻ nói được những điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.
MT 72: Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tham gia chơi cùng bạn - Mạnh dạn trả lời câu hỏi
MT 73: Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	- Lấy và cất đồ dùng, đồ chơi, sách vở gọn gàng và đúng nơi quy định. - Thực hiện công việc được giao: trực nhật, làm vệ sinh lớp học, chăm sóc cây.
MT 74: Trẻ nhận ra cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.

MT 75: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi, tức giận phù hợp qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.
MT 76: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Hình ảnh của Bác. - Kính yêu Bác Hồ.
MT 77: Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Đọc thơ, kể chuyện về Bác. - Hát các bài hát về Bác. - Nghe hát các làn điệu dân ca, các bài hát về Bác Hồ.
MT 78: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: Vịnh Hạ Long, Đảo Tuần Châu, Thủ đô Hà Nội...
<i>Phát triển kỹ năng xã hội</i>	
MT 79: Trẻ biết thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).
MT 80: Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Nhận biết hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu”.
MT 81: Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe cô và bạn nói.
MT 82: Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào hoạt động.	- Chờ đến lượt.
MT 83: Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi các trò chơi, chơi hòa thuận với bạn, tham gia vào các hoạt động nhóm.
MT 84: Trẻ biết quan tâm đến môi	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây

trường, thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây, bỏ rác đúng nơi quy định.	cối. - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường: Bỏ rác đúng nơi quy định.
5. Phát triển thẩm mỹ	
<i>Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và nghệ thuật</i>	
MT 85: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 86: Trẻ biết chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. - Nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe kể câu chuyện.
MT 87: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) các tác phẩm tạo hình.	- Ngắm nhìn sản phẩm tạo hình và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của bản thân về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
<i>Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</i>	
MT 88: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát
MT 89: Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.

MT 90: Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
MT 91: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản, trẻ biết sử dụng dấu vân tay của mình để tạo thành cây, hoa, hoàn thiện khuôn mặt...	- Sử dụng một số kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT 92: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT 93: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. Sử dụng kỹ năng lăn dọc, xoay tròn.
MT 94: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách các khối gỗ để tạo thành các sản phẩm (ngôi nhà có hàng rào, ô tô, tàu hỏa...) có cấu trúc đơn giản.
MT 95: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.
<i>Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật</i>	
MT 96: Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
MT 97: Trẻ biết lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT 98: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
MT 99: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình

II. DỰ KIẾN THỜI GIAN VÀ CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	CÁC SỰ KIỆN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trường mầm non		2 tuần	Từ ngày 8/09/2025 - 19/9/2025
2	Bản thân	- Tết trung thu - Ngày thành lập HLHPN Việt Nam 20/10	4	Từ ngày 22/9/2025- 17/10/2025
3	Gia đình	- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	3	Từ ngày 20/10/2025- 07/11/2025
4	Nghề nghiệp		4	Từ ngày 10/11/2025- 05/12/2025
5	Thế giới động vật	- Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12	4	Từ ngày 08/12/2025- 02/01/2026
6	Thế giới thực vật		4	Từ ngày 05/01/2026- 30/01/2026
7	Tết và mùa xuân	- Tết nguyên đán	2	Từ ngày 02/02/2026- 13/02/2026
Nghỉ tết Nguyên đán từ ngày 16/02/2026 đến hết ngày 28/02/2026 (Tức thứ 2 ngày 29 tháng Chạp đến thứ bảy ngày 12 tháng Giêng)				
8	Ngày hội của bà, mẹ	- Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3	1	Từ ngày 02/03/2026- 06/3/2026
9	Phương tiện và một số quy định giao thông		4 tuần	Từ ngày 09/03/2026- 03/4/2026
10	Nước - Hiện		3 tuần	Từ ngày 06/04/2026-

	tượng tự nhiên			24/04/2026
11	Quê hương - Đất nước- Bác Hồ	- Ngày giải phóng Miền Nam 30/4; - Ngày Quốc tế lao động 01/5; - Ngày sinh nhật Bác 19/5.	4 tuần	Từ ngày 27/04/2026- 22/05/2026
	Ghi chú	<i>Bắt đầu học kỳ I từ 05/9/2025. Kết thúc học kỳ I: 09/01/2026</i> <i>Bắt đầu học kỳ II từ 12/01/2026. Kết thúc học kỳ II: 22/5/2026</i> <i>Kết thúc năm học ngày 29/5/2026</i>		